

**NỘI DUNG HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 10**  
**TUẦN 11 (15/11/2021 – 20/11/2021)**

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC	HÌNH THỨC
<b>Tuần 11</b>	<i>Ôn tập văn học dân gian Việt Nam</i>	Xem nội dung bên dưới, SGK
	<i>Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.</i>	
	Chủ đề: Đọc hiểu thơ Đường luật Phân: <b>Đặc trưng thể thơ.</b>	

**ÔN TẬP VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM**

**I. Nội dung ôn tập**

**1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của VHDG**

- Định nghĩa : Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm của nhân dân lao động về tự nhiên và xã hội nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

- Đặc trưng : Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng (tính truyền miệng), là sáng tạo mang tính tập thể (tính cộng đồng), gắn bó và phục vụ cho các sinh hoạt cộng đồng (tính thực hành còn gọi là tính biểu diễn).

**2. Hệ thống thể loại:**

- Văn học dân gian Việt Nam gồm những thể loại chính sau: thần thoại, sử thi dân gian, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, tục ngữ, câu đố, ca dao - dân ca, vè, truyện thơ, các thể loại sân khấu (chèo, tuồng, múa rối, các trò diễn mang tích truyện).

- Đặc trưng chủ yếu của một số thể loại văn học dân gian:

TT	Thể loại	Ví dụ	Đặc trưng
----	----------	-------	-----------

1	Sử thi (còn gọi là anh hùng ca)	<i>Đăm săn</i>	Kể về các nhân vật anh hùng thời hình thành các dân tộc với thái độ tôn vinh; có tính chất thần linh, kì ảo.
2	Truyện thuyết	<i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy.</i>	Kể về các nhân vật lịch sử; có liên quan đến thần linh.
3.	Truyện cổ tích	<i>Tám Cám</i>	Kể về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, nhằm bênh vực cái thiện; có các yếu tố kì ảo tham gia hỗ trợ.
4	Truyện cười	<i>Tam đại con Gà</i>	Kể về những điều nghịch lí, mất tự nhiên, nhằm giải trí hoặc phê phán.
5	Ca dao	<i>Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa</i>	Thể hiện tình cảm, tâm tư, nguyện vọng của tầng lớp bình dân.
6	Truyện thơ	<i>Tiến dạn người Yêu</i>	Kể lại những câu chuyện tình cảm, cũng có đấu tranh chống cái ác như dưới hình thức bài thơ dài.

<b>Truyện dân gian</b>	<b>Câu nói dân Gian</b>	<b>Thơ dân Gian</b>	<b>Sân khấu dân gian</b>
<i>Thần thoại, Truyện thuyết, Cổ tích, Ngụ ngôn, Truyện cười.</i>	<i>Tục ngữ Về Câu đố</i>	<i>Sử thi, Truyện thơ Ca dao.</i>	<i>Chèo Tuồng đờ Các trò diễn (có tích trò)</i>

### 3. So sánh các thể loại tự sự dân gian đã học:

<b>Thể loại</b>	<b>Mục đích sáng tác</b>	<b>Hình thức lưu truyền</b>	<b>Nội dung phản ánh</b>	<b>Kiểu nhân vật chính</b>	<b>Đặc điểm nghệ thuật</b>
Sử thi (anh hùng)	Ghi lại cuộc sống và ước mơ cộng đồng của người dân TN xưa.	Hát, kể	Xã hội Tây Nguyên cổ đại.	Người anh hùng cao đẹp, kì vĩ của cộng đồng.	So sánh, phóng đại, trùng điệp.
Truyện thuyết	Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.	Kể, diễn xướng	Kể về các sự kiện và nhân vật lịch sử có thật qua cốt truyện hư cấu.	Nhân vật lịch sử được truyền thuyết hoá.	Yếu tố lịch sử và hoang đường đan xen vào nhau.
Truyện cổ tích	Thể hiện nguyện vọng, ước mơ của nhân dân trong xã hội phong kiến xưa.	Kể	Xung đột xã hội, cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, giữa chính nghĩa và gian tà.	Thông minh, tài giỏi, mồ côi, bất hạnh...	Cốt truyện, hình tượng nhân vật được hư cấu.

Truyện cười	Mua vui, giải trí, châm biếm, phê phán	Kể	Những điều trái tự nhiên, thói hư tật xấu.	Kiểu nhân vật có thói hư tật xấu.	Ngắn gọn, tạo tình huống bất ngờ, mâu thuẫn.
-------------	--	----	--	-----------------------------------	--

#### 4. Nội dung và nghệ thuật của ca dao – thể loại trữ tình dân gian

##### a) Nội dung

*Ca dao than thân* thường là lời của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Thân phận của họ thường bị phụ thuộc vào những người khác trong xã hội, giá trị phẩm chất của họ không được người ta biết đến và trân trọng. Thân phận ấy thường được so sánh như: *củ ấu gai, tấm lụa đào, hạt mưa, miếng cau khô, cái giếng...*

*Ca dao yêu thương, tình nghĩa* đề cập đến tình bạn cao đẹp, tình yêu đôi lứa (với những cung bậc phong phú như nhớ thương, hờn giận...), tình cảm gia đình, tình nghĩa thủy chung của con người trong cuộc sống,...

Trong *ca dao hài hước*, tiếng cười tự trào là tiếng cười hóm hỉnh, hồn nhiên vô tư nhằm “thi vị hóa” cuộc sống nghèo khổ của mình. Nó là tiếng cười tiếp sức để người ta vượt lên hoàn cảnh. Trong khi đó tiếng cười phê phán xã hội có mục đích đấu tranh xã hội mạnh mẽ hơn. Nó hướng vào những thói hư tật xấu trong nội bộ hoặc lên án giai cấp thống trị ti tiện, tham lam,... Tiếng cười phê phán ở nhiều mức độ : nhắc nhở, giễu cợt, đả kích, phủ nhận,...

##### b) Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng trong ca dao :

- Thường lặp lại các mô thức mở đầu: *thân em, em như, cô kia, ước gì,...*
- Sử dụng nhiều các mô típ biểu tượng: *gừng cay - muối mặn, con đò, bến đò, ngọn đèn, tấm khăn, cái cầu,...*
- Sử dụng phổ biến các biện pháp so sánh, ẩn dụ, cường điệu, tương phản đối lập.
- Sử dụng các thể thơ quen thuộc của dân gian (chủ yếu là lục bát).
- Ngôn ngữ gần gũi, lời ăn tiếng nói hàng ngày, tuy rất đời thường nhưng mang hàm nghĩa sâu sắc.

# **KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ TK X – HẾT TK XIX**

## **I. CÁC THÀNH PHẦN CỦA VĂN HỌC TỪ THẾ KỈ X – HẾT TK XIX**

Văn học VN trung đại gồm 2 thành phần của chủ yếu: Văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.

### **1. Văn học chữ Hán**

- Nền văn học viết bằng chữ Hán, xuất hiện sớm, tồn tại trong suốt quá trình hình thành và phát triển của văn học trung đại.
- Thể loại: Tiếp thu thể loại của văn học Trung Quốc: Chiếu, biểu, hịch, cáo, truyền kì, tiểu thuyết chương hồi ... đạt được thành tựu nghệ thuật to lớn.

### **2. Văn học chữ Nôm**

- Sáng tác bằng chữ Nôm - ra đời muộn hơn văn học chữ Hán
- Thể loại: Chủ yếu là thơ, ít có tác phẩm văn xuôi, phú, văn tế ...

## **II. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC TỪ TK X - HẾT TK XIX**

### **1. Giai đoạn từ thế kỉ X - hết thế kỉ XIV**

#### **1.1. Lịch sử**

- Đất nước giành được độc lập, tự chủ cuối thế kỉ X, lập nhiều kì tích trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.
- Chế độ phong kiến phát triển cực thịnh.

#### **1.2. Văn học**

- Ngôn ngữ: Chữ Hán, chữ Nôm, chữ Hán chiếm ưu thế.
- Nội dung: Yêu nước với âm hưởng hào hùng.
- Nghệ thuật: Đạt được những thành tựu như văn chính luận, văn xuôi viết về lịch sử, văn hóa, thơ, phú.
- Tác giả, tác phẩm: (SGK/105)

### **2. Giai đoạn từ thế kỉ XV - hết TK XVII**

**2.1. Lịch sử:** Nửa đầu TK XV làm nên kì tích trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Sang thế kỉ XVI chế độ phong kiến Việt Nam có khủng hoảng nhưng vẫn tương đối ổn định.

## **2.2. Văn học**

- Nội dung:

+ Âm hưởng ngợi ca.

+ Phê phán hiện thực XHPK

- Nghệ thuật:

+ VH chữ Hán phát triển với nhiều thể loại: Văn chính luận, văn xuôi tự sự.

+ VH chữ Nôm: Có sự Việt hóa từ thể loại VH Trung Quốc.

## **3. Giai đoạn từ thế kỉ XVIII – hết nửa đầu thế kỉ XIX**

**3.1. Lịch sử:** Đất nước có nhiều biến động, nội chiến xảy ra liên tiếp, nhiều phong trào nổi dậy của nông dân diễn ra (Tây Sơn-Nguyễn Huệ).

**3.2. Văn học:** VH phát triển vượt bậc trở thành giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của VH trung đại Việt Nam.

- Nội dung: *Trào lưu văn học chủ nghĩa*- Tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc và đấu tranh giải phóng con người, đặc biệt là người phụ nữ.

- Nghệ thuật: Phong phú về thể loại và đề tài, cả văn xuôi lẫn văn vần, cả chữ Hán và chữ Nôm.

- Tác giả, tác phẩm: (SGK/107)

## **4. Giai đoạn cuối nửa thế kỉ XIX**

### **4.1. Lịch sử**

- Đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, nhân dân đứng lên chống giặc những thất bại.

- XH bắt đầu chuyển từ XHPK sang XH thực dân nửa phong kiến.

### **4.2. Văn học**

- Nội dung: Yêu nước mang âm hưởng bị trắng.

- Nghệ thuật: Đã có chữ quốc ngữ nhưng sử dụng chữ Hán và chữ Nôm vẫn là chính.

- Tác giả, tác phẩm: (SGK/108)

### **III. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM LỚN VỀ NỘI DUNG CỦA VHTĐ**

#### **1. Chủ nghĩa yêu nước**

**1.1. Đặc điểm:** Gắn liền với tư tưởng trong quân không tách rời với truyền thống yêu nước Việt Nam.

**1.2. Nội dung:** Thể hiện rất phong phú đa dạng:

- Ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc.
- Lòng căm thù giặc, quyết chiến, quyết thắng kẻ thù.
- Tự hào trước chiến công của thời đại.
- Ca ngợi, biết ơn những người hi sinh vì đất nước.
- Tình yêu thiên nhiên, đất nước.

#### **2. Chủ nghĩa nhân đạo**

2.1. Đặc điểm: Bắt nguồn từ truyền thống tư tưởng nhân đạo của người Việt Nam ảnh hưởng nhân đạo tích cực của Phật giáo, Nho giáo.

**2.2. Nội dung:** Phong phú, đa dạng:

- Lòng thương người.
- Lên án, tố cáo những thú lực tàn bạo, chà đạp lên con người.
- Khẳng định, đề cao con người về mọi mặt: Phẩm chất, khát vọng, quyền số quyền hạnh phúc, quyền tự do, công lí, chính nghĩa...
- Đề cao những quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp giữa người với người.

#### **3. Cảm hứng thế sự**

**3.1. Thế sự** là cuộc sống con người, là việc đời; cảm hứng thế sự là sự bày tỏ, suy nghĩ tình cảm về cuộc sống con người, về cuộc đời.

#### **3.2. Nội dung**

- Phản ánh hiện thực XH, cuộc sống đau khổ của nhân dân, xuất hiện từ cuối thời Trần, TK XIV.

- Phản ánh nhân tình thế thái.

#### **IV. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM LỚN VỀ NGHỆ THUẬT CỦA VHVN TỪ TK X - HẾT TK XIX**

##### **1. Tính qui phạm và phá vỡ tính qui phạm**

- Tính qui phạm: Là những qui định chặt chẽ theo khuôn mẫu.

+ Quan điểm văn học: Coi trọng mục đích giáo huấn.

+ Tư duy nghệ thuật: Sáng tác theo công thức nghệ thuật: Vật, cây.

+ Thể loại văn học: Quy định chặt chẽ về kết cấu, cách sử dụng: mượn nhiều điển tích, điển cố.

- Việc phá vỡ tính qui phạm: sáng tạo ra thể thơ...

##### **2. Khuynh hướng trang nhã và xu hướng bình dị**

###### **2.1. Trang nhã**

- Đề tài, chủ đề: Hướng tới cái cao cả, trang trọng hơn là cái đời thường, bình dị.

- Hình tượng nghệ thuật: Hướng tới vẻ tao nhã, mỹ lệ hơn là vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc

- Ngôn ngữ nghệ thuật: Cách diễn đạt trau chuốt, hoa mỹ hơn là thông tục, tự nhiên.

**2.2. Bình dị:** Trải qua thời gian tiếp thu, sáng tạo → VH ngày càng bình dị và gần gũi.

##### **3. Tiếp thu và dân tộc hóa tinh hoa nước ngoài**

###### **3.1. Tiếp thu:** Chịu ảnh hưởng của văn học TQ sâu sắc:

- Ngôn ngữ: Dùng chữ Hán để sáng tác.

- Thể loại: Thơ Đường luật, cổ phong, tiểu thuyết.

- Thi liệu: Dùng điển cố thi liệu Hán văn.

###### **3.2. Dân tộc hóa:** Vừa tiếp thu, vừa Việt hóa.

- Ngôn ngữ: Sáng tạo ra chữ Nôm.



- Thể loại: Thể thơ dân tộc (lục bát, song thất lục bát, hát nói).
- Sáng tạo ra thể thơ Nôm Đường luật.
- Đề tài, chất liệu: Gần gũi với đời sống dân tộc, thiên nhiên.

## **CHỦ ĐỀ: ĐỌC HIỂU THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

### **Phần: Đặc trưng thể thơ.**

#### **I. Khái niệm**

- Thơ Đường luật là thể thơ được viết theo luật đặt ra từ thời nhà Đường ở Trung Quốc, có quy định khá chặt chẽ về vần, thanh, đối, về số câu, số chữ và cấu trúc bài thơ.

- Thơ Đường luật có 2 dạng thường gặp:

+ Bát cú (thất ngôn bát cú)

+ Tứ tuyệt (ngũ ngôn tứ tuyệt; Thất ngôn tứ tuyệt)

#### **III. Đặc điểm**

##### **1. Ngũ ngôn tứ tuyệt**

- Bài thơ có bốn dòng, mỗi dòng có năm chữ, vần ở cuối các câu một, hai, bốn hoặc cuối câu hai, bốn.
- Xét về thanh điệu: tiếng thứ hai với thứ tư trong mỗi câu phải đối nhau và tiếng thứ hai, thứ tư trong mỗi cặp câu cũng phải đối nhau. Nghĩa là trong một dòng, nếu tiếng thứ hai là tiếng bằng thì tiếng thứ tư phải là tiếng trắc, và ngược lại nếu tiếng thứ hai là tiếng trắc thì tiếng thứ tư phải là tiếng bằng.

Ví dụ:

*Tụng giá hoàn kinh sư*

*Đoạt sóc Chương Dương độ*

*Cầm hồ Hàm Tử quan*

*Thái bình tu trí lực*

*Vạn cổ thử giang san.*

**(Trần Quang Khải)**

## 2. Thất ngôn tứ tuyệt

Là dạng rút gọn của thể thơ thất ngôn bát cú: gồm bốn câu, mỗi câu bảy chữ.  
Vần: Vần bằng và là vần chân ở câu một, hai, bốn; có khi chỉ ở câu hai và câu bốn.

Ví dụ:

### *Thiên Trường vãn vọng*

*Thôn hậu, thôn tiền đạm tự yên,*

*Bán vô, bán hữu tịch dương biên.*

*Mục đồng địch lý quy ngưi tận,*

*Bạch lộ song song phi há điền.*

( *Trần Nhân Tông* )

## 2. Thất ngôn bát cú

Bài thơ gồm tám câu, mỗi câu 7 chữ. Trong đó, cần tuân thủ chặt chẽ về:

- **Vần:** Độc vận, vần chân ở cuối câu 1 và các câu chẵn - vần bằng
- **Đôi:** Hai câu thực và hai câu luận thường đối nhau.
- **Niêm:** Câu 1 niêm với câu 8, câu 2 niêm với câu 3, câu 4 niêm với câu 5, câu sáu 6 với câu 7.
- **Luật:** Có luật bằng vần bằng và luật trắc vần bằng.

Ví dụ:

### **Độc Tiểu Thanh ký**

*Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư,*

*Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.*

*Chi phán hữu thân liên tử hậu,*

*Văn chương vô mệnh luy phân dư.*

*Cổ kim hận sự thiên nan vấn,*

*Phong vận kỳ oan ngã tự cư.*

*Bất tri tam bách dư niên hậu,*

*Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

*(Nguyễn Du)*

- **Kết cấu của thể thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú**

<b>Tứ tuyệt</b>	<b>Bát cú</b>	<b>Mục đích</b>
Khai	Đề	Giới thiệu tựa đề
Thừa	Thực	Giải thích, triển khai tựa đề
Chuyển	Luận	Bàn luận ý nghĩa của bài
Hợp	Kết	Tóm tắt ý nghĩa, bày tỏ thái độ, tình cảm

**---HẾT---**